TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31/3/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Bà Phạm Thị Bích Hợp

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc: Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Việt T** – Sinh năm: 198X

Bị đơn: **Chị Chu Thị Hương Q** – Sinh năm: 198X

Cùng hộ khẩu thường trú: Đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ của anh Thắng: Đường T, phường N, Quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

(Anh T, chị Q đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn ngày 04/11/2020 và các lời khai, Đơn trình bày, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Nguyễn Việt T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Chu Thị Hương Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh tại đường Đ, phường C, quận H, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ hai của anh, lần kết hôn đầu tiên anh đã ly hôn hợp pháp.

Quá trình chung sống, từ năm 2015 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, khiến cho cuộc sống vô cùng bức bối, căng thẳng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, trong tính cách và sinh hoạt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2016 vợ chồng đã làm đơn thuận tình ly hôn nhưng sau đó Tòa án hòa giải và anh cũng suy nghĩ đây là lần kết hôn thứ hai nên anh cũng không muốn hôn nhân tan vỡ, bản thân anh luôn cố gắng để cuộc sống vợ chồng hòa thuận hơn, vì vậy anh và chị Q đã cùng rút đơn ly hôn về để vợ chồng cùng tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Sau khi rút đơn ly hôn, tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà còn căng thẳng, trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát từ những việc nhỏ nhặt trong gia đình, trong sinh hoạt, làm ảnh hưởng đến cuộc sống chung của cả đại gia đình, ảnh hưởng đến tâm lý của con, khiến cho anh cảm thấy vô cùng mệt mỏi, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng không giải quyết được. Anh đã phải xin chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh vì cuộc sống quá căng thẳng, ngột ngạt. Vì vậy, anh buộc phải làm đơn xin ly hôn để giải phóng cho cả hai và chấm dứt cuộc sống hôn nhân này. Anh đã suy nghĩ kỹ và xác định không thể níu kéo được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q để ổn định cuộc sống cả hai bên.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/9/201X. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị Q đóng góp nuôi con chung. Hiện anh đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/tháng. Nếu chị Q có nguyện vọng nuôi con thì anh cũng đồng ý, anh tự nguyện đóng góp nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại Bản tự khai ngày 12/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – chị Chu Thị Hương Q trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Việt T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà của bố mẹ đẻ anh T tại đường Đ, phường C, quận H, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của chị, còn anh T kết hôn lần thứ hai, trước đó anh T đã giải quyết ly hôn.

Chị Q xác định quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những va chạm mâu thuẫn, có cãi cọ nhau, nguyên nhân chỉ là những bất đồng trong sinh hoạt cuộc

sống, nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, cãi nhau xong là vợ chồng lại bình thường.

Khoảng năm 2016 vợ chồng có làm đơn thuận tình ly hôn nhưng Tòa án đã hòa giải nên vợ chồng lại rút đơn về. Sau thời gian đó, tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng vẫn xảy ra những va chạm, xô sát, cãi nhau bởi những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Thời gian gần đây vợ chồng cãi nhau, trong lúc nóng giận chị có bảo anh T làm đơn ly hôn và anh T đã nộp đơn ly hôn ra Tòa án, nhưng chị xác định chỉ là do bực tức, chị xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, chị không muốn ly hôn vì vậy chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đề nghị Tòa án đợi hết dịch Covid anh T sẽ ra Hà Nội và đến Tòa án giải quyết, chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/9/201X, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị. Nếu trường hợp phải ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng thì chị cũng đồng ý. Hiện chị đang bán hàng tự do, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

***<u>Tại phiên tòa</u>*:**

Nguyên đơn, bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định, tuy nhiên chưa đảm bảo thời hạn xét xử, lý do: nguyên đơn chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc, do dịch bệnh Covid nên không ra Hà Nội được, còn bị đơn Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng không đến. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Q. Về con chung, giao con chung là Nguyễn Gia P cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung đủ

tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn thể hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại đường Đ, phường C, quận H, Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T có đơn xin vắng mặt trong các buổi làm việc tại Tòa án, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án hôn nhân gia đình.

Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự theo quy định pháp luật, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. *Về hôn nhân:* Anh Nguyễn Việt T và chị Chu Thị Hương Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/10/2012 tại UBND phường C, quận H, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của anh T và chị Q:

Anh T và chị Q đều xác nhận quá trình chung sống đến năm 2016 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo anh T xác định, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ, cuộc sống vô cùng bức bối, căng thẳng, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống trong tính cách và sinh hoạt, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Theo chị Q xác định, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra những va chạm mâu thuẫn, có cãi cọ nhau, nguyên nhân chỉ là những bất đồng trong sinh hoạt cuộc sống, nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, cãi nhau xong vợ chồng lại bình thường.

Năm 2016 vợ chồng có làm đơn thuận tình ly hôn nhưng Tòa án hòa giải nên vợ chồng lại rút đơn về. Sau khi rút đơn ly hôn, tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà còn căng thẳng, trầm trọng hơn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát từ những việc nhỏ nhặt trong gia đình, trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn

ngày càng căng thẳng không giải quyết được làm cho cuộc sống chung mệt mỏi, nặng nề và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến việc anh T làm đơn xin ly hôn để được ổn định cuộc sống cả hai bên. Từ tháng 01/2021 anh T đã xin chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa.

Trước khi anh T nộp đơn xin ly hôn đơn phương ra Tòa án thì chị Q cũng đã đồng ý ly hôn và ký đơn thuận tình ly hôn đề ngày 30/10/2020, nhưng sau đó chị Q lại thay đổi, không đồng ý ly hôn nữa. Chị Q cũng thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng hôn nhân như hiện tại là đúng, nhưng chị xác định chỉ là do trong những lúc nóng giận, bực tức, chị xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng, chị không muốn ly hôn vì vậy chị đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, đề nghị Tòa án đợi hết dịch Covid anh T sẽ ra Hà Nội và đến Tòa án giải quyết, chị không đồng ý ly hôn.

Mặc dù chị Q đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ, bản thân chị Q không đồng ý ly hôn nhưng chị cũng không tìm biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, để khắc phục mâu thuẫn. Từ tháng 01/2021 anh T đã xin chuyển công tác vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không có sự quan tâm đến nhau nữa.

Tài liệu do Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh T, chị Q sinh sống thể hiện: Quá trình anh chị chung sống, thời gian trước thì không xảy ra vấn đề gì, khoảng từ năm 2019 cho đến nay vợ chồng không được vui vẻ, hạnh phúc như trước đây, phát sinh nhiều mâu thuẫn, có to tiếng cãi cọ nhau và xảy ra xô sát, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau. Hiện tại chỉ có chị Q và con ở đây, còn anh T đi làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh từ đầu năm 2021 đến nay không về nhà.

Hội đồng xét xử xét thấy, lời khai của anh chị về mâu thuẫn vợ chồng cũng phù hợp với tài liệu Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương nơi anh chị sinh sống. Xét tình trạng hôn nhân của anh T và chị Q là căng thẳng, mâu thuẫn đã trầm trọng không giải quyết khắc phục được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không chung sống với nhau, đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Q không đồng ý ly hôn nhưng chị không tìm giải pháp tích cực nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, vì vậy ý kiến của chị Q không có cơ sở chấp nhận.

2.2. *Về con chung:* Anh T và chị Q có một con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/9/201X, sức khỏe của cháu bình thường, cháu đang ở cùng chị Q.

Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện anh T đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/tháng. Nếu chị Q có nguyện vọng nuôi con thì anh T cũng đồng ý, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng thì chị cũng đồng ý. Hiện chị Q đang bán hàng tự do, thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Tại Đơn đề nghị ngày 25/10/2021 cháu Nguyễn Gia P có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét, việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Cháu P hiện đang ở với chị Q tại Hà Nội, anh T đang sinh sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, chị Q có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, anh T cũng đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử giao con chung là Nguyễn Gia P cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu là phù hợp với nguyện vọng của chị Q, anh T và cháu P, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản chung và nhà ở chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. *Về công nợ:* Anh chị xác định không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra anh T, chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. *Về án phí và quyền kháng cáo:*

Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh T, chị Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 khoản 1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Việt T đối với chị Chu Thị Hương Q. Anh T được ly hôn chị Q.

2. *Về con chung:* Anh T và chị Q xác nhận có một con chung là Nguyễn Gia P, sinh ngày 05/9/201X.

Giao con chung là Nguyễn Gia P cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 (Năm triệu) đồng/tháng kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về công nợ:* Anh chị xác nhận không nợ chung ai và không cho ai vay nợ, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. *Về án phí:* Anh Nguyễn Việt T phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0003884 ngày 29/12/2020 của Cơ quan Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt anh Nguyễn Việt T và chị Chu Thị Hương Q. Anh T và chị Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
-UBND phường C, quận H, Hà Nội. (Giấy chứng nhận kết hôn số 83, quyển số 01/2012 ngày 23/10/2012).
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lan Chi